TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH G**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 25/2019/QĐST-HNGĐ	*Đ, ngày 13 tháng 5 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 11/2019/TLST-HNGĐ ngày 22/02/2019 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Đặng Thị H, sinh năm: 1994, địa chỉ: Thôn ĐT, xã B, huyện C, tỉnh G.

- Bị đơn: Anh Lê Văn L, sinh năm 1992, địa chỉ: Thôn I, xã IR, huyện Đ, tỉnh G.

Căn cứ vào Điều 144, 147, 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03 tháng 5 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03 tháng 5 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội;

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đặng Thị H và anh Lê Văn L.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị H và anh Lê Văn L tự nguyện thuận tình ly hôn vì mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng kéo dài, tình cảm vợ chồng đã thực sự đổ vỡ, cuộc sống chung không thể tiếp tục duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có nên chị H và anh L đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Hòa giải thành được giảm 50% án phí = 150.000 đồng. Chị Đặng Thị H tự nguyện chịu hết 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm không giá ngạch về ly hôn để sung vào công quỹ Nhà nước. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003057 ngày 22/02/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh G. Hoàn trả lại cho chị H số tiền tạm ứng án phí còn thừa là 150.000 đồng.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Đ;
- UBND xã B, huyện C tỉnh G;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

NGUYỄN THỊ KIM THOA